



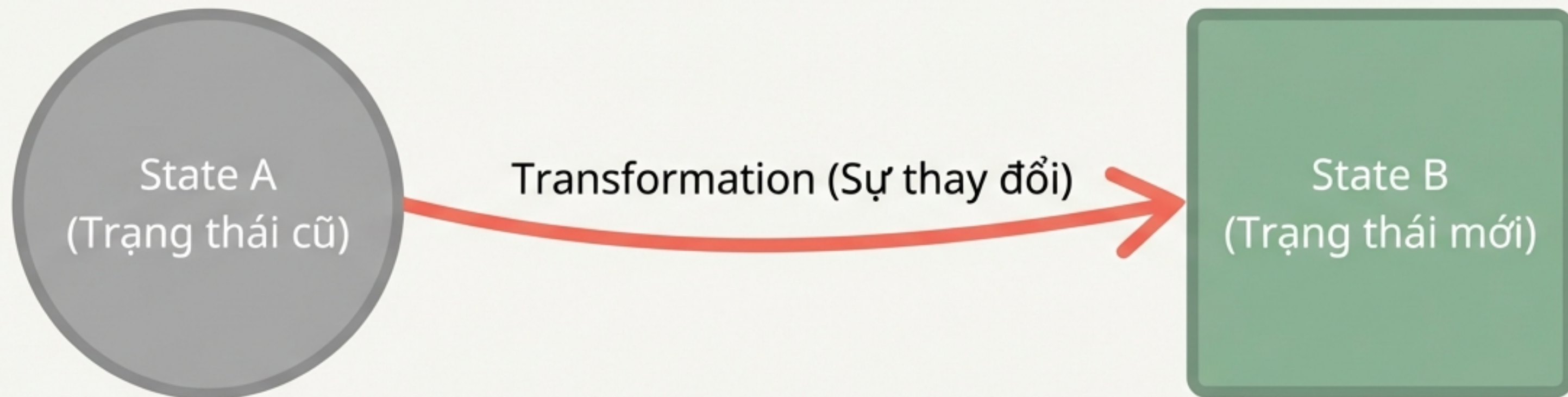
Diễn tả sự "Thay đổi" trong tiếng Nhật

～くなります / ～になります

Bí kíp ngữ pháp N5 cho người mới bắt đầu

Làm thế nào để nói "Trời trở lạnh", "Tôi đã trở thành bác sĩ", hay "Tiếng Nhật của tôi đã giỏi lên"?

Ý nghĩa cốt lõi: なる (Naru) = Trở nên / Trở thành



- Diễn tả sự thay đổi trạng thái của người hoặc vật.
- Sự thay đổi tự nhiên (Ví dụ: Trời tối).
- Sự thay đổi theo thời gian (Ví dụ: Sang mùa đông).
- Kết quả của một hành động (Ví dụ: Phòng trở nên sạch sẽ).

3 Con đường của sự thay đổi



Cách chia sẽ phụ thuộc vào loại từ bạn đang sử dụng.

Công thức 1: Tính từ đuôi i

Bỏ đuôi い, thêm く + なります

寒い ~~い~~ + く + なります = 寒く なります
(Samu)

高い (Đắt) → 高く なります (Trở nên đắt đỏ)

眠い (Buồn ngủ) → 眠く なります (Trở nên buồn ngủ)

⚠️ Lưu ý đặc biệt: Trường hợp ngoại lệ



~~いい (Tốt) → くなります~~

いい (Tốt) → よくなります ✓

Từ 'いい' luôn chuyển thành 'よく' khi chia.

Thời tiết đã trở nên tốt (đẹp).

天気がよくなりました。

Công thức 2: Tính từ đuôi na

Bỏ đuôi な (nếu có), thêm に + なります

静か + に + なります = 静かになります
(Shizuka) (ni) (narimasu)

1. 元気 (Khỏe) → 元気になります (Trở nên khỏe mạnh)
2. 便利 (Tiện lợi) → 便利になります (Trở nên tiện lợi)

Cạm bẫy thường gặp: 'Kirei' (Đẹp/Sạch)



きれい (Kirei)

Kết thúc bằng “i” nhưng là
TÍNH TỪ ĐUÔI NA!

✗ ~~きれく~~なります

✓ ~~きれい~~になります

Căn phòng đã trở nên sạch sẽ. → 部屋がきれいになりました。

Công thức 3: Danh từ

Danh từ + に + なります

学生 + に + なります = 学生になります
(Gakusei) (ni) (narimasu) (Trở thành học sinh)



1. 20歳 (20 tuổi)
→ 20歳になります



2. 医者 (Bác sĩ)
→ 医者になります



3. 夏 (Mùa hè)
→ 夏になります

Tình huống 1: Thời gian và Tự nhiên



Thay đổi mùa (Seasons)

Đã sang mùa đông rồi, trời trở nên lạnh.

冬になりました。寒くなりました。



Đã 10 giờ rồi. → 10時になりました。

Tình huống 2: Kỹ năng và Sự tiến bộ



Diễn tả kết quả của quá trình nỗ lực.

Tôi đã giỏi tiếng Nhật.
日本語が上手になりました。

Việc học tiếng Nhật đã trở nên vui vẻ.
日本語の勉強が楽しくなりました。

Tình huống 3: Thay đổi cơ thể



Uống bia xong, mặt tôi đỏ lên.
ビールを飲むと、**顔が赤くなります。**



Học nhiều quá nên tôi trở nên buồn ngủ.
勉強していたら、眠くなりました。

Phân biệt quan trọng: Naru vs. Suru

なります (Narimasu)	します (Shimasu)
	
Tự nhiên / Kết quả	Hành động chủ đích
部屋がきれい になりました (Phòng trở nên sạch - tự nhiên/kết quả)	部屋をきれい にしました (Tôi làm sạch phòng - chủ đích)

Tổng hợp kiến thức (Cheat Sheet)

Loại từ (Type)	Quy tắc (Rule)	Ví dụ (Example)
Tính từ đuôi i	Bỏ い → くなります	高い → 高くなります
Tính từ đuôi na	Bỏ な → になります	元気 → 元気になります
Danh từ	Thêm になります	雨 → 雨になります
Ngoại lệ	いい → よくなります	きれい → きれいになります

Luyện tập nhanh!

Hãy chia các từ sau sang dạng “Trở nên/Trở thành”:



おいしい
(Ngon)
→ ?



有名
(Nổi tiếng)
→ ?



先生
(Giáo viên)
→ ?

Đáp án: 1. おいしく なります 2. 有名になります 3. 先生になります

Sự thay đổi cần có thời gian

Ngữ pháp `なる` giúp bạn kể câu chuyện về sự trưởng thành của chính mình.

Hãy cùng nhau trở nên giỏi tiếng Nhật nhé!

日本語が上手になりましょう！



Nội dung tham khảo từ: Ninjapanese, Langoal, Learn Japanese 2021.